|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính với phân số | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  Câu 1 | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước.  Câu 2 |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  Câu 7; Câu 8b |  |  |  |  |  | **1**  **(1,5đ)** |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số.  Câu 11 |  |  |  |  |  |  |  | **1**  **(1,0)** | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).  Câu 5 | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  Câu 9 |  |  |  | **1**  **(1,0đ)** |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  Câu 9 |  |  |  |  |  | **1**  **(1,0đ)** |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  Câu 4 | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.  Câu 3 |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  Câu 8a |  |  |  |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  | **5%** |
| 4 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  Câu 6 | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  Câu 10 |  | **1**  **(2,0đ)** |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** | | |  | **4** | **1** | **2** | **1** | **0** | **3** | **0** | **1** | **12** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | **20%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II** |
| **HUYỆN KIM SƠN** | **Năm học:** |
|  | **MÔN: TOÁN 6** |
|  | *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) *Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***.

**Câu 1:** Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A.  B.  C.  D. 

**Câu 2:** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

A.  B.  C.  D. 

**Câu 3:** Nếu tung đồng xu 12 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

A: B: C: D:



**Câu 4:** Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

A. {1; 6} B. {1; 2; 3; 4; 5; 6} C. {0; 1; 2; 3; 4; 5} D. {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}

**Câu 5:** Biểu đồ kép dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E

Cho biết số học sinh giỏi văn của lớp 6D là bao nhiêu?

A. 7 B. 17 C. 14 D.23

**Câu 6:** Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia trong hình vẽ đã cho?

Đề thi giữa kì 2 Toán 6

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 7 (1đ):** Thực hiện phép tính một cách hợp lí (nếu có thể).

a)  b)  - 

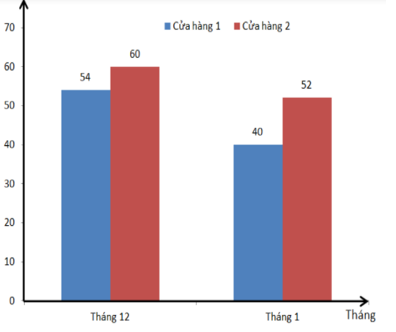
**Câu 8( 1đ):** a) Trong hộp có một số bóng xanh và một số bóng đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bóng từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 30 lần ta được kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại bóng | Bóng màu xanh | Bóng màu đỏ |
| Số lần | 17 | 13 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy ra được một bóng màu đỏ.

b) Ba lớp 6A, 6B, 6C có số học sinh bằng nhau. Biết lớp 6A có số học sinh nữ chiếm số học sinh cả lớp, lớp 6B có số học sinh nữ chiếm số học sinh cả lớp, lớp 6C có số học sinh nữ chiếm số học sinh cả lớp. Hỏi lớp nào có nhiều học sinh nữ nhất?

**Câu 9 (2đ) :** Biểu đồ cột kép ở hình dưới cho biết số mấy sưởi được bán ra trong tháng 12 và tháng 1 của hai cửa hàng.



a) Tính tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 12

b) Trong tháng 11, cửa hàng 2 bán được nhiều hơn cửa hàng 1 bao nhiêu chiếc máy sưởi?

**Câu 10 (2đ):** Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 4cm; OB = 6cm.

a) Tính AB.

b) Lấy điểm M trên tia Ox sao cho OM = 3cm. Hỏi điểm M có là trung điểm của đoạn OB không? Vì sao?

c) Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho OC = 1cm. Tính AC?

**Câu 11 (1đ):** Tính giá trị của biểu thức: P = 

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)** Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

1. A 2. C 3.A 4.B 5. B 6. D

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Hướng dẫn | Điểm |
| **7** | a) | 0,5 |
|  | b) | 0,5 |
| **8** | a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy ra được một chiếc bút màu đỏ là | 0,5 |
|  | b)  Vì nên lớp 6A chiếm nhiều số HS nữ nhất. | 0,5 |
| **9** | a)  Tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 1 là:  40 + 52 = 92 (chiếc) | 1,0 |
|  | b)  Tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 12là:  54 + 60 = 114 (chiếc)  Vì 114 > 92 nên tháng 12 tổng số máy sưởi bán ra của hai cửa hàng nhiều hơn tháng 1. | 0,5  0,5 |
| **10** | Vẽ đúng hình | 0,5 |
|  | a) Vì A, B nằm trên Ox mà OA < OB (4cm < 6cm)  nên A nằm giữa hai điểm O và B  khi đó, OA + AB = OB  4 + AB = 6  AB = 2 (cm)  b) Vì M, B nằm trên Ox mà OM < OB (3cm < 6cm)  nên M nằm giữa hai điểm O và B  khi đó, OM + MB = OB  3 + MB = 6  MB = 3 (cm)  Ta có: OM = MB= 3 (cm), M, B cùng nằm trên Ox  Suy ra M là trung điểm của OB  c) Vì C thuộc tia đối của tia Ox nên O nằm giữa hai điểm A và C.  khi đó, OC + OA = AC  AC = 5 (cm). | 0,5 |
| **11** |  | 1 |